

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PL  
TỈNH BL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2022/DS-ST

Ngày: 20/12/2022

(V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản)

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, TỈNH BL**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Danh Văn An

*Các hội thẩm nhân dân:*

1/. Bà Dương Thị Tú Phương

2/. Ông Đinh Công Luận

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL tham gia phiên tòa:*** Bà Đoàn Vũ Loan, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 276/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 226/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Chị TTL, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp No, thị trấn PL, huyện PL, tỉnh BL.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Anh TQB, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp Phước Hòa, xã Lộc Ninh, huyện Hồng Dân, tỉnh BL.

2/. Bị đơn: Chị TTĐ, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp No, thị trấn PL, huyện PL, tỉnh BL.

3/. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông TVB.

Địa chỉ: Ấp No, thị trấn PL, huyện PL, tỉnh BL.

(Anh B, chị Đ và ông B có đơn xét xử vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2022, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn anh TQB trình bày: Trong năm 2018, chị TTL có cho chị TTĐ vay tổng số tiền 350.000.000 đồng vào các lần cụ thể như sau:

+ Vào ngày 06/02/2018 (âm lịch), chị Đ hỏi vay của chị L số tiền là 100.000.000 đồng. Khi vay số tiền trên hai bên không có thỏa thuận lãi suất với nhau và cũng không có nói thời gian cụ thể khi nào trả số tiền trên cho nhau mà chỉ nói khi nào cần thì sẽ thông báo cho nhau biết trước khoảng 3-4 tháng để chuẩn bị trả nợ.

+ Vào ngày 11/3/2018 (âm lịch), chị Đ tiếp tục hỏi vay của chị L thêm số tiền là 200.000.000 đồng. Lúc này hai bên có thỏa thuận lãi suất với nhau là 9%/tháng và cũng không có nói thời gian cụ thể khi nào trả số tiền trên, mà chỉ nói khi nào cần thì sẽ thông báo cho nhau trước khoảng 3-4 tháng để chuẩn bị trả nợ cho nhau.

+ Vào tháng 12/2018 (âm lịch), chị Đ tiếp tục hỏi vay của chị L thêm số tiền là 50.000.000 đồng. Lúc này hai bên thỏa thuận hàng tháng chị Đ sẽ đóng cho chị L số tiền 5.000.000 đồng/tháng trên tổng số tiền gốc 350.000.000 đồng đã vay. Và cam kết đến đầu năm 2019, chị Đ sẽ trả dứt số tiền trên cho chị L. Nhưng đến nay mặc dù chị L đã rất nhiều lần nhắc nợ đối với chị Đ nhưng chị Đ không trả số tiền gốc và lãi như thỏa thuận ban đầu. Cho đến đầu năm 2020, chị Đ không có tiền trả cho chị L như thỏa thuận ban đầu với nhau nên vào ngày 26/9/2020, hai bên thỏa thuận lập thêm biên nhận để tổng kết nợ lại với nhau, chị Đ thừa nhận còn thiếu chị L số tiền là 400.000.000 đồng. Trong đó có 350.000.000 đồng tiền gốc và 50.000.000 đồng tiền lãi của số tiền 350.000.000 đồng gốc được tính từ cuối năm 2018 đến ngày tổng kết nợ với nhau. Nay chị TTL yêu cầu chị TTĐ trả số tiền 400.000.000 đồng, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Theo bị đơn chị TTĐ trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Chị thừa nhận chữ viết và chữ ký trong các biên nhận nợ là của chị ký và viết ra, nay chị thừa nhận hiện tại chị còn thiếu chị L tổng số tiền là 400.000.000 đồng và chị đồng ý một mình chị trả số tiền trên cho chị L, nên cha chị là ông TVB không có liên quan gì trong vụ án này.

Ngoài ra chị Đ còn trình bày là người nào đi khởi kiện thì phải chịu toàn bộ án phí cho Nhà nước. Chị đồng ý trả nợ chứ không đồng ý đóng án phí theo quy định.

Theo anh B xác định: Chị L không yêu cầu ông B có nghĩa vụ gì trong vụ án này mà chỉ yêu cầu một mình chị Đ trả số tiền trên cho chị L.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông TVB đã được Tòa án cấp, tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông B không đến Tòa án và không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến của mình và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với ông TVB theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị TTL. Buộc chị TTĐ có nghĩa vụ trả cho của chị TTL tổng số tiền 400.000.000 đồng.

Chị TTL không yêu cầu ông TVB cùng có nghĩa vụ với chị TTĐ trả nợ cho chị L nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị TTL có đơn khởi kiện yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với chị TTĐ. Chị TTĐ có địa chỉ cư trú tại huyện PL, tỉnh BL. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Đối với yêu cầu xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm của anh TQB, chị TTĐ và ông TVB. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh B, chị Đ và ông B.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của chị TTL đối với chị TTĐ có nghĩa vụ trả cho chị số tiền vay còn thiếu là 400.000.000 đồng thì Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự thống nhất thừa nhận có việc giao dịch vay tài sản với nhau, việc giao dịch này là hoàn toàn tự nguyện và có xảy ra trên thực tế. Như vậy, lời thừa nhận của chị TTĐ về việc còn thiếu chị L số tiền 400.000.000 đồng là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thật.

[3] Xét lời trình bày của chị TTĐ yêu cầu: Người nào đi khởi kiện thì người đó phải chịu toàn bộ án phí cho Nhà nước. Chị đồng ý trả nợ chứ không đồng ý đóng án phí theo quy định.

Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “1. Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận, trừ trường hợp

*được miễn hoặc không phải chịu án phí sơ thẩm” và theo khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “2. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”. Từ đó, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này chị Đ thừa nhận có vay và đồng ý trả số tiền vay là 400.000.000 đồng cho chị L nên yêu cầu của chị L được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên chị Đ phải có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật. Do đó, không có cơ sở chấp nhận lời trình bày này của chị TTĐ.*

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay anh B xác định chị L không yêu cầu ông B cùng có nghĩa vụ với chị Đ trả số tiền trên cho chị L, mà nay chị L chỉ yêu cầu một mình chị Đ trả số tiền trên cho chị L nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, có đủ cơ sở căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị TTL đối với chị TTĐ. Buộc chị TTĐ có nghĩa vụ trả cho chị TTL tổng số tiền là 400.000.000 đồng.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị TTL không phải chịu, chị L đã nộp số tiền tạm ứng án phí 10.000.000 đồng ngày 18 tháng 4 năm 2022 theo biên lai thu số 0005149 được hoàn lại cho chị TTL tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL. Buộc chị TTĐ có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

[6] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh BL về nội dung giải quyết vụ án.

Vì các lẽ nêu trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 143, 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị TTL đối với chị TTĐ về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2/. Buộc chị TTĐ có nghĩa vụ trả cho chị TTL tổng số tiền là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất

phát sinh tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

3/. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị TTL không phải chịu, chị L đã nộp số tiền tạm ứng án phí 10.000.000 đồng ngày 18 tháng 4 năm 2022 theo biên lai thu số 0005149 được hoàn lại cho chị TTL tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL. Buộc chị TTĐ có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

4/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5/. Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Danh Văn An**